

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐẮK CẨM**

Phụ lục 01

Hiện trạng tuyến, đoạn tuyến đường đô thị đang quản lý (khu vực phường Ngô Mây, Duy Tân cũ) <i>(Kèm theo Văn bản số /UBND-HTĐT ngày tháng năm 2025 của UBND phường)</i>						
Stt	Tên đường	Chiều dài (Km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều rộng	
			Địa danh	Địa danh	Nền (m)	Mặt (m)
1	Đường Lê Chân	0,20	Trường Chinh	Sư Vạn Hạnh	8,0	6,0
2	Đường Đặng Trần Côn	0,18	Trần Khánh Dư	Hồ Xuân Hương	12,0	8,5
3	Đường Trần Nhật Duật	0,35	Trần Khánh Dư	Nguyễn Thiện Thuật	8,0	6,0
4	Đường Đặng Dung	0,20	Duy Tân	Đinh Công Tráng	12,0	6,0
5	Đường Trần Khánh Dư	1,65	Phan Đình Phùng	Ure	20,0	10,0
6	Đường A Dừa	0,60	Hàm Nghi	Trần Phú	8,0	6,0
7	Đường Tân Đà	0,16	Sư Vạn Hạnh	Đặng Trần Côn	12,0	6,0
8	Đường Mai Hắc Đế	0,94	Nguyễn Thiện Thuật	Đinh Công Tráng - Hết đường	8,0	6,0
9	Đường Lý Nam Đế	0,30	Trương Hán Siêu	Hàm Nghi	6,0	6,0
10	Đường Trương Định	0,45	Đinh Công Tráng	Trần Khánh Dư	6,0	6,0
11	Đường Sư Vạn Hạnh	2,05	Trần Phú	Suối ĐakTođrech	8,0	6,0
12	Đường Trần Nguyên Hãn	0,20	Sư Vạn Hạnh	Trường Chinh	6,0	6,0
13	Đường Nguyễn Văn Hoàng	0,40	Mai Hắc Đế	Duy Tân	12,0	8,0
14	Đường Phùng Hưng	0,49	Trường Chinh	Hết đường	8,0	8,0

15	Đường Hồ Xuân Hương	0,21	Sư Vạn Hạnh	Phan Đình Phùng	12,0	6,0
16	Đường Ngô Sĩ Liên	0,38	Nguyễn Thiện Thuật	Tản Đà	12,0	6,0
17	Đường Hàm Nghi	1.105	Trường Chinh	Hết tuyến	6,0	5,5
18	Đường Ngô Thì Nhậm	0,24	Ure	Phùng Hưng	17,0	6,0
19	Đường Trần Phú	0,21	Sư Vạn Hạnh	Trường Chinh	24,0	12,0
20	Đường Đặng Xuân Phong	0,18	Đinh Công Tráng	Tô Hiến Thành	6,0	6,0
21	Đường Phan Đình Phùng	5,80	Trường Chinh	điểm cuối Đường Tôn Đức Thắng	32,0	12,0
-	Đoạn Duy Tân - Trần Khánh Dư	0,35	Duy Tân	Trần Khánh Dư		
-	Đoạn Trần Khánh Dư-điểm cuối Tôn Đức Thắng	5,45	Trần Khánh Dư	điểm cuối Đường Tôn Đức Thắng		
22	Đường Trương Hán Siêu	0,92	Trương Định	Ure	6,0	6,0
23	Đường Duy Tân	1.865	Phan Đình Phùng	Ngã 5 Đăk Cấm	27,0	15,0
24	Đường Ngô Gia Tự	0,27			4,0	4,0
-	Ure - Trần Phú nối dài	0,17				
-	Lê Chân - Phùng Hưng	0,10				
25	Đường Dã Tượng	0,50	Mai Hắc Đế	Duy Tân	12,0	6,0
26	Đường Nguyễn Trường Tộ	0,39	Nguyễn Thiện Thuật	Tản Đà	12,0	6,0
-	Bùi Văn Nê - Trần Khánh Dư	0,48				
-	Trần Khánh Dư - Sân Tennis hết đường	0,15				
-	Bùi Văn Nê - Hết tuyến	0,26				
27	Đường Tô Hiến Thành	0,65	Tạ Quang Bửu	cuối đường	12,0	6,0
28	Đường Đinh Công Tráng	0,97	Trường Chinh	Duy Tân	12,0	6,0
29	Đường Nguyễn Trung Trực	0,29	Mai Hắc Đế	Dã Tượng	6,0	6,0

30	Đường Nguyễn Thiện Thuật	0,83	Phan Đình Phùng	Hết tuyến	12,0	8,0
31	Đường Đặng Thái Thủy	0,39	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	12,0	6,0
32	Đường U re	1,60	Trường Chinh	Ngã 5 Đăk Cấm	20,0	6,0
33	Đường Trần Huy Liệu	0,35	Ure	Tô Hiến Thành	6,0	6,0
34	Đường Trần Khát Chân	0,50	Duy Tân	Bùi Hữu Nghĩa	12,0	6,0
35	Đường Lương Ngọc Tồn	0,59	Duy Tân	Bùi Hữu Nghĩa	6,0	6,0
36	Đường Bùi Hữu Nghĩa	0,35	Urê	Trần Khát Chân	6,0	6,0
37	Đường Nguyễn Hữu Thọ	1,90	Ngã 3 Trung Tín	Cầu số 1	32,0	6,0
38	Đường Phan Kế Bính	0,55	Đường Quy hoạch	Lê Đức Thọ	32,0	16,0
39	Đường Tạ Quang Bửu	0,31	Ure	Duy Tân	12,0	8,5
40	Đường Phan Kế Toại	0,20			12,0	6,0
41	Đường Trần Tế Xương	0,12	Trần Khát Chân	Lương Ngọc Tồn	6,0	6,0
42	Đường Nhất Chi Mai	0,13	Trần Khánh Dư	Trần Huy Liệu	6,0	6,0
43	Đường Phạm Kiệt	0,10			12,0	6,0
44	Đường Nguyễn Chích	0,20			12,0	6,0
45	Đường Nguyễn Nhạc	0,80	Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Chí Thanh	12,0	12,0
46	Đường Trần Văn Trà	0,12	Trần Huy Liệu	Tạ Quang Bửu	9,0	5,0
47	Đường Trần Hữu Trang	0,14	Lương Ngọc Tồn	Trần Khát Chân	12,0	12,0
48	Đường Trương Đăng Quế	0,20	Trường Chinh	Sư Vạn Hạnh	6,0	6,0
49	Đường Bùi Văn Nê	0,37	Sư Vạn Hạnh	Phan Đình Phùng	17,0	6,0
50	Đường Võ Nguyên Giáp	4,70	QL14 (HCM Ngã 3 Trung Tín)	Nút GT ngã 5 Duy Tân	27,0	15,0
	Phan Đình Phùng đến hết khu dân cư	2,00	QL14 (HCM Ngã 3 Trung Tín)	đến hết khu dân cư		

	Khu dân cư đến khu Nhà Máy Bia	3,40				
	Đoạn Duy Tân - Khu nhà máy Bia	0,90				
51	Đường Trần Hoàn	0,18	Lê Trọng Tấn	Phan Đình Giót	12,0	6,0
52	Đường Nguyễn Trác	0,20	Trần Duy Hưng	Trần Hoàn	10,0	6,0
53	Đường Phan Đình Giót	0,60	Phan Đình Phùng	Trần Đức Thảo	22,0	12,0
54	Đường Nguyễn Văn Huyền	0,18	Lê Trọng Tấn	Phan Đình Giót	16,0	8,0
55	Đường Trần Đức Thảo	0,18	Lê Trọng Tấn	Phan Đình Giót	27,0	15,0
56	Đường Trần Duy Hưng	0,18	Lê Trọng Tấn	Phan Đình Giót	16,0	8,0
57	Đường Xuân Diệu	0,15	Phan Đình Phùng	Khu dân cư	17,0	8,0
58	Đường Vương Thừa Vũ	0,32	Phan Đình Phùng	Khu dân cư	24,0	12,0
59	Đường Kim Đồng	0,50	Trần Đức Thảo	Trần Duy Hưng	12,0	6,0
60	Đường Lê Thanh Nghị	0,18	Lê Trọng Tấn	Phan Đình Giót	24,0	12,0
61	Đường Lê Trọng Tấn	0,52	Trần Duy Hưng	Trần Đức Thảo	17,0	8,0
62	Đường Ngụy Như Kon Tum	0,10	Phan Đình Phùng	Khu dân cư	27,0	12,0
63	Đường Thoại Ngọc Hầu	0,54	Nguyễn Hữu Thọ	Lê Thị Riêng	12,5	12,5
64	Đường Nguyễn Phan Vinh	0,24	Thoại Ngọc Hầu	Nguyễn Nhạc	12,5	12,5
65	Đường Lương Định Của	0,15	Thoại Ngọc Hầu	Hàn Mặc Tử	9,5	5,5
66	Đường Song Hào	0,13	Thoại Ngọc Hầu	Hàn Mặc Tử	9,5	5,5
67	Đường Lê Đức Thọ	0,50	Phan Kế Bính	Hàn Mặc Tử	22,0	12,0
68	Đường Hàn Mặc Tử	0,33	Nguyễn Phan Vinh	Lê Đức Thọ	12,5	12,5
69	Đường Giáp Văn Cương	0,50	Phan Đình Phùng	Bãi rác	20,0	10,0
70	Đường Đinh Gia Khánh	0,23	Phan Kế Bính	đường Quy hoạch	20,0	8,0

71	Đường Bùi Công Trùng	0,55	Phan Đình Phùng	Hết tuyến	15,0	15,0
72	Đường Tô Ký	0,40	Phan Đình Phùng	Nhà Tang lễ tỉnh	6,5	3,5
73	Đường Nguyễn Thị Định	1,97	đường Quy hoạch	TL 666 cũ	22,0	12,0
74	Đường Nguyễn Lâm	0,33	Nguyễn Phan Vinh	Lê Thị Riêng	9,5	5,5
75	Đường Hồ Văn Huê	0,18	Trần Tử Bình	Nguyễn Lâm	9,5	5,5
76	Đường Lê Thị Riêng	0,18	Trần Tử Bình	Nguyễn Lâm	9,5	5,5
77	Đường Nguyễn Chí Thanh	2,04	Nguyễn Hữu Thọ	TL 666 cũ	16,0	8,0
78	Đường Tôn Đức Thắng	2,20	đường ranh giới TP Kon Tum- H.Đăk Hà (nghĩa trang TP)	Phan Đình Phùng	32,0	22,0
79	Đường Trần Tử Bình	0,12	Lê Đức Thọ	Lê Thị Riêng	9,5	5,5
80	Đường Phan Văn Bảy	0,50	Trung tâm BTXH tỉnh	Đường Phan Đình Phùng	27,0	15,0
81	Quy hoạch số 10 (phường Ngô Mỹ cũ)	0,85	Phan Đình Phùng			
82	Trường Chinh	1	Phan Đình Phùng	Trần Phú	8,0	8,0

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐẮK CẨM**

Phụ lục 02

Hiện trạng tuyến, đoạn tuyến đường xã đang quản lý (khu vực xã Đăk Cẩm cũ) <i>(Kèm theo Văn bản số /UBND-HTĐT ngày tháng năm 2025 của UBND phường)</i>					
STT	Tên đường	Chiều dài (Km)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
			Địa danh	Địa danh	
1	ĐĐT.61	0.78	Km31+400 TL 671 (phải tuyến)	Hết khu dân cư	cổng chào Thôn 1
2	ĐĐT.61B	1.1	Km31+400 TL 671 (trái tuyến)	ĐĐT.61C	
3	ĐĐT.61C	1.225	Km31+800 TL 671	Hết tuyến	Đường vào thôn 9
4	ĐĐT.62	1.220	Km30+400 TL 671	Đường Hồ Chí Minh	Đường vào thôn 2
5	ĐĐT.62B	0.712	ĐĐT.64B	ĐĐT.62	
6	ĐĐT.63	1.120	Km31+200 TL 671 (trái tuyến)	Hết tuyến	Đường vào thôn 3
7	ĐĐT.63B	0.905	Km 31+200 TL 671 (trái tuyến)	ĐĐT.62	Đường vào thôn 8
8	ĐĐT.64	2.46	Đường Lương Văn Can	Hết tuyến	đường Thu Bồn nối dài
9	ĐĐT.64B	1.84	ĐĐT.61B	Hết tuyến	Đường vào thôn 4
10	ĐĐT.64C	0.775	ĐĐT.63	Đường Hồ Chí Minh	
11	ĐĐT.65	0.585	ĐĐT.64B	Hết tuyến	Đường thôn 5 (làng Plei Lưng)
12	ĐĐT.65B	0.276	Đường Hồ Chí Minh	Hết tuyến	(giao nhau với ĐĐT65)
13	ĐĐT.66	0.72	Đường Võ Nguyên Giáp nối dài	Hết tuyến	Đường vào thôn 6
14	ĐĐT.66B	0.656	ĐĐT.66	Hết tuyến	
15	ĐĐT.66C	0.38	ĐĐT.66B	Hết tuyến	
16	ĐĐT.67	2.6	Km29 TL 671	Hết tuyến	Trục chính khu dân cư Thôn 7 (LàngYang Roong)
17	ĐĐT.68	1.39	Đường Tôn Đức Thắng	Hết tuyến	Đường vào thôn Thôn Plei Trum - Đăk Chôa
18	ĐĐT.68B	0.74	ĐĐT.68	Hết tuyến	qua cầu treo
19	ĐĐT.68C	0.43	ĐĐT.68	Hết tuyến	